

Bản án số: 01/2024/DS-ST

Ngày: 12-01-2024

V/v: Kiện đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Giao;

Ông Trần Hà Bắc.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Lan Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Giao Thủy.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** Bà Phan Thị Xuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 45/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2023 về việc: “Kiện đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2023/QĐXXST-DS, ngày 25 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1993; địa chỉ: Xóm F, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; "vắng mặt".

Bị đơn: Anh Đinh Văn Đ, sinh năm 1988; địa chỉ: Xóm F, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20- 9- 2023, bản tự khai cùng các lời khai khác tại Toà án, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

Chị Trần Thị T và anh Đinh Văn Đ là vợ chồng, đã ly hôn năm 2022, không yêu cầu giải quyết chia tài sản chung. Chị Trần Thị T và anh Đinh Văn Đ có tài sản chung là thửa đất số 177, tờ bản đồ số 20 tại xóm F (xóm E cũ), xã G, huyện G, tỉnh Nam Định và toàn bộ tài sản gắn liền với đất; đã được cấp Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 608335 ngày 14- 10- 2014. Sau khi ly hôn, hai bên đã tự thỏa thuận chia tài sản chung nêu trên như sau: Ngày 10- 6- 2023, tại Văn phòng C, chị Trần Thị T và anh Đinh Văn Đ đã ký kết “Văn bản thỏa thuận” với nội dung: Anh Đinh Văn Đ được quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản trên đất là tài sản chung vợ chồng đối với thửa đất số 177, tờ bản đồ số 20, địa chỉ: Xóm F (xóm E cũ), xã G, huyện G, tỉnh Nam Định, anh Đ có trách nhiệm thanh toán cho chị T số tiền 900.000.000 đồng, thời gian thanh toán tiền cụ thể vào ngày 02- 6- 2023 thanh toán số tiền 300.000.000 đồng, chậm nhất ngày 10- 7- 2023, thanh toán số tiền 600.000.000 đồng. Hiện nay, thửa đất nêu trên đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên anh Đinh Văn Đ. Tuy nhiên, anh Đ mới thanh toán số tiền 300.000.000 đồng, số tiền 600.000.000 đồng còn lại anh Đ chưa thanh toán cho chị T. Nay chị Trần Thị T khởi kiện yêu cầu anh Đinh Văn Đ phải trả chị số tiền 600.000.000 đồng.

Ý kiến của anh Đinh Văn Đ: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Đ nhưng anh Đ không trình bày quan điểm và không đến của Tòa án để làm việc.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 165, 166 của Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T; buộc anh Đinh Văn Đ phải trả số tiền 600.000.000 đồng cho chị Trần Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Đinh Văn Đ được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định “Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”. Nay anh Đinh Văn Đ không đưa ra căn cứ chứng minh để phản đối yêu cầu của nguyên đơn chị Trần Thị T về việc yêu cầu anh phải trả số tiền 600.000.000 đồng. Vì vậy, căn cứ tài liệu do chị Trần Thị T cung cấp là “Văn bản thỏa thuận” giữa chị Trần Thị T và anh Đinh Văn Đ đã được chứng thực hợp pháp tại Văn phòng C1- 6- 2023 và các tài liệu, chứng cứ hợp pháp khác, có đủ cơ sở

xác định: Chị Trần Thị T và anh Đinh Văn Đ đã thoả thuận chia tài sản chung và thoả thuận này đã có hiệu lực pháp luật, anh Đinh Văn Đ đã nhận phần tài sản là quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản trên đất (thửa đất số 177, tờ bản đồ số 20, địa chỉ: Xóm F (xóm E cũ), xã G, huyện G, tỉnh Nam Định) và được cấp Giấy chứng nhận hợp pháp; anh Đinh Văn Đ chưa thanh toán cho chị T số tài sản 600.000.000 đồng trong tài sản được chia. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào các Điều 165, 166, 357 và 468 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 13 của Nghị quyết 01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị T đối với bị đơn anh Đinh Văn Đ; buộc anh Đinh Văn Đ trả số tiền 600.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc anh Đinh Văn Đ phải nộp 300.000 đồng.

Trả lại chị Trần Thị T 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0001510 ngày 09- 10- 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; chị Trần Thị T và anh Đinh Văn Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự: 02 bản;
- VKSND huyện Giao Thủy: 01 bản;
- VKSND tỉnh Nam Định: 01 bản;
- Chi cục Thi hành án dân sự: 01 bản;
- Lưu: 02 bản.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Duyên